TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày: 29-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Diệp Lai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Quan

Ông Nguyễn Văn Hà

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Quỳnh Như -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V (Q, T) sinh ngày 11-01-1998 tại TP B, tỉnh BRVT.

Nơi cư trú: tổ 21, ấp P, xã L, TP B, tỉnh BRVT; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T- sinh năm 1972 và bà Phạm Thị P- sinh năm 1978; tiền án: không; tiền sự:

+ Ngày 19-12-2014 bị Công an phường L, TP B xử phạt 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản (QĐ số:15-QĐ-XPVPHC), bị cáo chưa đóng phạt.

+ Ngày 10-06-2015 bị Công an xã L, TP B xử phạt 750.000đ về hành vi trộm cắp tài sản (QĐ số:11-QĐ-CAX), bị cáo chưa đóng phạt.

Nhân thân:

+ Ngày 19-06-2012 bị UBND thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh BRVT áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng vì nhiều lần có hành vi trộm cắp tài sản (QĐ số:2267/QĐ-UB-NC), chấp hành xong ngày 20-06-2014.

+ Ngày 28-06-2016 bị TAND TP B xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", 08 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 04 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt là 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13-01-2016 (BA số: 55/2016/HSST, có áp dụng Điều 69, khoản 1 Điều 74 BLHS năm 1999), chấp hành xong ngày 13-10-2017.

Bị bắt tạm giam ngày 10-10-2018. (có mặt)

-*Bị hại:*Ông Lê Văn M (U) sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 6 ô 3/8 KP H, TT. P, huyện Đ, tỉnh BRVT.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Đặng Văn T (Q) sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: KP H, TT P, huyện Đ, tỉnh BRVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn V (Q, T) nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, khoảng 05 giờ ngày 27-01-2018 V đi bộ từ quán cà phê ở khu phố A, thị trấn P, huyện Đ, khi đi đến nhà ông Lê Văn M (U) ở khu phố H, thị trấn P phát hiện cửa rào nhà ông M không khóa, trước nhà có 01 chiếc xe mô tô hiệu WALLET biển số 72P1- 6590 nên V đi vào thì thấy có sẵn chìa khóa xe trên ổ khóa nên V lén lút dẫn xe ra ngoài nổ máy điều khiển xe đến nhà Đặng Văn T (Q) ở cùng khu phố H bán cho T với giá 700.000đ, T đưa trước 650.000đ, sao đó V nhờ T chở lên L lấy xe mà V đang bỏ sửa. Sau đó ông M phát hiện xe của mình nên báo cho Công an xử lý, Cơ quan điều tra Công an huyện Đất Đỏ đã làm việc với V và V thừa nhận hành vi của mình nhưng sau đó đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, đến ngày 10-10-2018 qua thư kêu gọi đầu thú và tác động của gia đình V đã ra đầu thú.

Tại Biên bản về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số:05/BB-HĐĐGTTTHS ngày 31-01-2018 và Kết luận định giá tài sản số:05/KLĐGTS-HĐĐG ngày 31-01-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự của huyện Đất Đỏ kết luận: chiếc xe mô tô hiệu WALLET biển sô 72P1- 6590 trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.200.000đ.

Chiếc xe trên đứng tên ông Nguyễn Văn V trú tại ấp M, xã L, huyện Đ. Qua xác minh tại địa phương không xác định được Nguyễn Văn V, ông M khai nhận mua chiếc xe trên từ V với giá 4.000.000đ nhưng không làm thủ tục sang tên. Cơ quan điều tra đã giao trả lại chiếc xe trên cho ông M, ông M không có yêu cầu gì.

Đối với Đặng Văn T, khi mua xe không biết là xe trộm cắp nên cơ quan điều tra, viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự, ông T yêu cầu V (Q, T) phải hoàn trả lại 650.000đ, V đồng ý hoàn trả số tiền trên.

Thu giữ của Nguyễn Văn V (Q, T): 01 xe mô tô không biển số, số khung YX110C*00000292*, số máy HD1P53FMH*Y01100321*, 01 điện thoại di động Nokia Model 7260, type RM-17 và 180.000đ. Đối với chiếc xe này thì qua giám định số khung, số máy không bị tẩy xóa và số khung, số máy này không có trong dữ liệu tra cứu của Phòng CSGT đường bộ Công an tỉnh BRVT. Chiếc xe này V mua không có giấy tờ với giá 1.000.000đ

Qúa trình điều tra, truy tố Nguyễn Văn V (Q, T) đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số:42/CT-VKS ngày 12-11-2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT đã truy tố Nguyễn Văn V (Q, T) về tội "Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đồng ý với việc KSV rút 1 phần cáo trạng về tình tiết tặng nặng là tái phạm, khi bán xe cho T không nói là xe trộm cắp mà có, số tiền bán xe trả tiền sửa xe và tiêu xài còn lại 182.000đ bị thu giữ, đồng ý hoàn trả số tiền cho T sau khi trừ đi 182.000đ, điện thoại có giá trị nhỏ và bị hư hỏng nên không yêu cầu nhận lại, chiếc xe bị thu giữ của bị cáo là xe mua không có giấy tờ, bị cáo biết sử dụng xe này sẽ bị tịch thu nhưng mua để đi lại, qua thư kêu gọi đầu thú nên khi bị cáo về gia đình đã dẫn bị cáo ra công an đầu thú. Đ/d VKS vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu tại bản cáo trạng và xin rút lại phần truy tố đối với tình tiết tăng nặng là tái phạm vì

khi thực hiện hành vi phạm tội của bản án trước bị cáo chưa đủ 18 tuổi, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 12 tháng ->18 tháng tù, TNDS và xừ lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 106 BLTTHS giao trả lại cho bị cáo xe máy không giấy tờ và điện thoại di động, tạm giữ 182.000đ để đảm bảo thi hành án, buộc bị cáo bồi thường cho T 650.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn V (Q, T) đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với trình bày của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, xác định: khoảng 05 giờ ngày 27-01-2018 tại nhà ông Lê Văn M ở khu phố H, thị trấn P, huyện Đ lợi dụng sự mất cảnh giác của ông Lê Văn M (U) trong việc trông coi, quản lý tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình mà V đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu WALLET biển số 72P1-6590 trị giá 2.200.000đ nên V đã vi phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ rút phần truy tố về tình tiết tái phạm đối với bị cáo, bị cáo cũng đồng ý với Viện kiểm sát, xét thấy khi thực hiện hành vi phạm tội tại bản án mà Tòa án nhân dân TP B xét xử thì bị cáo V chưa đủ 18 tuổi và phạm tội ít nghiêm trọng nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS năm 2015 thì trường hợp của bị cáo V được coi là

không có án tích mà chỉ xem xét về nhân thân là phù hợp với quy định nên chấp nhận.

[4] Bị cáo V có nhân thân xấu và cả tiền sự của bị cáo V cũng đều là hành vi chiếm đoạt tài sản và sau khi phạm tội lại bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án nên cần phải xử nghiêm bị cáo nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung nhưng xét thấy bị cáo V có các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần mức án cho bị cáo V khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì nên xem như xong, ông T yêu cầu bị cáo V bồi thường 650.000đ và bị cáo cũng đồng ý bồi thường và số tiền 182.000đ là tiền mua bán xe giữa bị cáo V và ông T nên ông T nhận số tiền này tại Chi cục THA dân sự huyện Đất Đỏ nên buộc bị cáo V phải bồi thường thêm cho ông T là 468.000đ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, Các điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc xe bị trộm cắp đứng tên ông Nguyễn Văn V trú tại ấp M, xã L, huyện Đ, qua xác minh tại địa phương không xác định được Nguyễn Văn V và ông M cho rằng mua giấy tay nhưng chưa làm thủ tục sang tên và hiện nay cơ quan điều tra đã giao trả xe cho ông M thì thấy rằng xe có giấy tờ hợp pháp nên việc giao trả là phù hợp nếu sau này có tranh chấp liên quan đến chiếc xe này sẽ được giải quyết thành 01 vụ án khác. Riêng các vật chứng đang thu giữ của bị cáo V thì bị cáo V thừa nhận xe mua không giấy tờ và qua giám định xe không bị tẩy xóa số khung, số máy và số khung, số máy này không có trong dữ liệu tra cứu của Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh BRVT, đây là loại mà Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, còn điện thoại như bị cáo V thừa nhận là có giá trị nhỏ và đã bị hư hỏng nên không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với Đặng Văn T, khi mua xe không biết là xe trộm cắp nên cơ quan điều tra, viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp nên chỉ đưa tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại tại các điểm a, f khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 48; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015

- Khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Các điểm a, f khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 26, Mục 1, Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V (Q, T) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V (Q, T) 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10-10-2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

3.1. Đối với ông Lê văn M (U): xong.

3.2. Buộc Nguyễn Văn V (Q, T) có trách nhiệm bồi thường cho ông Đặng Văn T (Q) 468.000đ (bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Đặng Văn T (Q) có trách nhiệm liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ để nhận 182.000đ (một trăm tám mươi hai ngàn đồng).

(Hiện Chi cục thi hành án dân huyện Đất Đỏ đang quản lý theo biên lai thu tiền số: 005840 ngày 13-11-2018)

4. Về vật chứng:

4.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) xe máy không có biển số, số khung YX110C*00000292*, số máy: HD1P53FMH*Y0100321*.

4.2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu Nokia Model 7260, type RM-17.

(Hiện tất cả được Chi cục thi hành án dân huyện Đất Đỏ quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số: 07/BB ngày 13-11-2018)

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Nguyễn Văn V (Q, T) phải chịu là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BRVT;
-VKSND tỉnh BRVT;
-Sở Tư pháp tỉnh BRVT;
-Phòng PV 27 CA tỉnh BRVT ;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-CA huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND xã Long Phước, TP B;
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ngô Diệp Lai